

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 8- 2023

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản và nợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị D My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Kiều D, sinh năm 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn C và bà Đặng Cẩm T (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Châu Thị The, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3. Anh Võ Văn Y, sinh năm 1984 (vắng mặt).

4. Anh Võ Văn K, sinh năm 1991 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp CM, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Võ Kiều D trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Võ Kiều D và anh Trần Hoàng T đám cưới vào ngày 5,6/12/2004 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh BL vào năm 2005. Sau K kết hôn anh chị sống và làm dâu bên gia đình chồng 6 năm, sau đó ra ở riêng. Trong quá trình chung sống đến ngày 24/02/2023 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T ghen và đánh chị vào mặt hai bạt tay, thời gian trước đó khoảng ba năm anh T cũng có đánh chị, vào tháng 02/2023 chị có nộp đơn xin ly hôn tại Toà án có hoà giải, chị rút đơn khởi

kiện để anh T khắc phục khuyết điểm nhưng anh T không khắc phục và đã ly thân cho đến nay. Nay chị D xác định không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Trần Khắc T1, sinh ngày 03/12/2005 và Trần Ngọc T1, sinh ngày 20/11/2011. Hiện nay các con đang do chị D nuôi dưỡng, K ly hôn con có nguyện vọng sống với ai người thì đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản chung*: Vào ngày 30/6/2011 vợ chồng chị D anh T có nhận chuyển nhượng phần đất lâm nghiệp toạ lạc tại ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận của ông Võ Văn C và bà Đặng Cẩm T diện tích 25.000m² giá 120.000.000 đồng, giá trị thành quả phần đất này hiện nay tăng lên là 400.000.000 đồng. Phần đất này hiện nay chị D và anh T cùng quản lý. K ly hôn chị D yêu cầu phân chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$, chị D yêu cầu nhận giá trị số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị D rút lại yêu cầu này, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu phân chia.

- *Về nợ chung*: Chị D xác định chị và anh T có nợ những người như sau: Nợ bà Châu Thị The số tiền 15.000.000 đồng, mượn vào năm 2011 để chuyển nhượng phần đất nêu trên; anh Võ Văn K 6.000.000 đồng, mượn thả tôm giống, chi tiêu trong gia đình khoảng năm 2017, 2018; anh Võ Văn Y 6.800.000 đồng tiền cho thuê ruộng 25.000m² nêu trên, mỗi năm thuê 13.000.000 đồng, do anh chị đi làm tại Sài Gòn nên cho thuê vào năm 2022, do anh Y đã giao đủ số tiền 13.000.000 đồng cho vợ chồng chị nhận trước đó và chỉ mới làm được 7 tháng thì vợ chồng chị về lấy lại đất canh tác nên phải trả lại số tiền này cho anh Y tương ứng 5 tháng là 6.800.000 đồng. Tổng nợ là 27.800.000 đồng, K ly hôn yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$, tương ứng số tiền 13.900.000 đồng.

- Ngoài ra người khác không ai nợ lại vợ chồng anh chị.

* *Bị đơn anh Trần Hoàng T trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Về ngày tháng năm tổ chức đám cưới theo như chị D trình bày là đúng, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn 24/02/2023 xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay là đúng. Quá trình chung sống không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn chỉ đến ngày 24/02/2023 mới xảy ra mâu thuẫn như trên, từ đó chị D bỏ đi cho đến nay. Trước thời gian xảy ra mâu thuẫn và ly thân thì anh có đánh chị hai bạt tay là có. Tháng 4/2023 chị D có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án 1 lần, Thẩm phán có hoà giải và anh T có đến năn nỉ chị D về, chị D rút đơn nhưng mẹ chị D yêu cầu gia đình anh đến để hoà giải nhưng vì gia đình anh xác định chị D tự ý bỏ đi nên gia đình anh không đến theo yêu cầu của mẹ chị D. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị D và yêu cầu đoàn tụ để nuôi con, không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có hai con chung như chị D trình bày, trường hợp toà án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý theo nguyện vọng của con chung và không cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Theo chị D khai phần đất nêu trên là đúng, ông Võ Văn C là người đứng tên trên sổ giao khoán đất. Nguồn gốc đất là do cha anh có đất của vợ chồng ông C và bà Đặng Cẩm T vào năm 2011 số tiền 70.000.000 đồng. Sau K anh chị ra ở riêng thì ông C kêu sang thì vợ chồng anh chị góp vào thêm số tiền 50.000.000 đồng để sang đất, tổng cộng sang đất số tiền 120.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh cũng thống nhất giá trị đất là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng phải trừ ra số tiền 70.000.000

đồng để trả cho cha anh, còn lại 330.000.000 đồng anh đồng ý chia đôi, ai nhận đất thì người còn lại nhận giá trị. Quá trình giải quyết vụ án anh T thống nhất anh và chị D tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng có nợ bà The, anh K, anh Y như chị D trình bày là đúng, anh đồng ý trả $\frac{1}{2}$.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- *Bà Châu Thị The trình bày*: Năm 2011 bà có cho vợ chồng anh T chị D mượn số tiền 25.000.000 đồng, sau đó có trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng, nay D, T ly hôn bà yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$.

- *Anh Võ Văn Y trình bày*: Vào ngày 19/02/2022 âm lịch anh Y có thuê diện tích đất 25.000m² của anh T, chị D, tọa lạc tại ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, giá thuê là 13.000.000 đồng/năm. Anh T, chị D đi làm tại Sài Gòn nên K thuê đất hai bên có thỏa thuận K nào về thì anh giao đất lại, K thuê đất anh Y đã giao đủ số tiền 13.000.000 đồng cho vợ chồng chị D, anh T nhận. Anh Y chỉ mới canh tác đất được 7 tháng thì vợ chồng D, T về nên anh giao lại đất lại cho vợ chồng D, T. Nay D, T ly hôn anh yêu cầu phải trả lại cho anh số tiền 6.800.000 đồng tương ứng với 5 tháng thuê đất còn lại, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$.

- *Anh Võ Văn K trình bày*: Vào năm 2017, 2018 vợ chồng chị D, anh T có mượn tiền của anh nhiều lần để thả tôm giống và chi tiêu, sau đó có trả dần còn nợ anh số tiền 6.000.000 đồng. Nay D, T ly hôn anh yêu cầu mỗi người trả $\frac{1}{2}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Châu Thị The, anh Võ Văn Y có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh Trần Hoàng T, ông Võ Văn C và bà Đặng Cẩm T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Kiều D và anh Trần Hoàng T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 05/01/2005 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị D có yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án chị D và anh T đều xác định thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, anh T có đánh chị D, chị D cũng đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án một lần và đã rút đơn khởi kiện nhưng cho đến nay vẫn không đoàn tụ được. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân, anh T có hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình từ đó quan hệ hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Xét thấy, các cháu Trần Khắc T1 và Trần Ngọc T1 đang do chị D nuôi dưỡng. Các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị D. Do đó, tiếp tục giao các cháu cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp là theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng chị D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị D rút yêu cầu chia tài sản chung, chỉ D và anh T tự thỏa thuận phân chia. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của chị Võ Kiều D về việc yêu cầu phân chia diện tích đất 25.000m² tọa lạc tại ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

[5] Về nợ người khác: Bà Châu Thị The, anh Võ Văn K và anh Võ Văn Y có yêu cầu độc lập đòi lại số tiền vợ chồng chị D, anh T nợ. Quá trình giải quyết vụ án chị D và anh T xác định có mượn bà Châu Thị The số tiền 15.000.000, anh Võ Văn K tiền mượn thả tôm giống 6.000.000 đồng, anh Võ Văn Y tiền cho thuê ruộng 6.800.000 đồng. Tổng nợ là 27.800.000 đồng, K ly hôn chị D và anh T đồng ý trả $\frac{1}{2}$, mỗi người tương ứng số tiền 13.900.000 đồng. Xét thấy, đây là khoản nợ chung của chị D và anh T trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đều thừa nhận và đồng ý trả nợ. Do đó, buộc Chị D và anh T mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$, cụ thể Chị D, anh T mỗi người trả cho bà The số tiền 7.500.000 đồng, trả cho anh Y số tiền 3.400.000 đồng, trả cho anh K 3.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về người khác nợ lại: Chị D và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm chị D và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 472 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Kiều D, cho chị Võ Kiều Diễm được ly hôn anh Trần Hoàng T.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Võ Kiều D về việc yêu cầu phân chia diện tích đất 25.000m² tọa lạc tại ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Chị Võ Kiều D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về nuôi con chung:

3.1. Giao con chung Trần Khắc T1 (nam), sinh ngày 03/12/2005 và Trần Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 20/11/2011 cho chị Võ Kiều D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3.2. Anh Trần Hoàng T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về nợ chung: Buộc chị Võ Kiều D và anh Trần Hoàng T mỗi người phải trả cho bà Châu Thị The số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trả cho anh Võ Văn Y số tiền 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), trả cho anh Võ Văn K 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bà Châu Thị The, anh Võ Văn Y, anh Võ Văn K có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên cho đến K thi hành án xong, thì hàng tháng chị Võ Kiều D và anh Trần Hoàng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Kiều D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0014268 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Kiều D phải chịu 695.000.000 đồng (sáu trăm Cn mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0014269 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị D được nhận lại số tiền chênh lệch là 4.305.000 đồng (bốn triệu ba trăm lẽ năm nghìn đồng).

Anh Trần Hoàng T phải chịu 695.000.000 đồng (sáu trăm Cn mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Võ Văn Y 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014320 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Hoàn trả lại cho anh Võ Văn K 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014319 ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Biện Thị Nhung

